

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/HS-ST

Ngày 09 – 6 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Thương

Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112A/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

Ngô Nhật Thế H (tên gọi khác: Chóp), sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B19 ấp 2, xã T, huyện L, tỉnh Đ; Chỗ ở: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn A và bà Nguyễn Thị H; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 09 – 7 – 2009, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù về các tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “ Trộm cắp tài sản”; Ngày 14 – 12 – 2010, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. (tổng hợp hình phạt với bản án ngày 06 – 9 – 2010 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 bản án là 02 năm 6 tháng tù); Ngày 24 – 03 – 2016, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 04 tháng tù về các tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “ Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 24 – 10 – 2018).

Bị bắt ngày 13 – 01 – 2020 (có mặt tại phiên tòa).

Ngô Mai Hoàng K, sinh năm 1994 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 26 Y, phường X, thành phố V, tỉnh B; Chỗ ở: 39 Đ, phường X, thành phố V, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Ngô Thị Xuân M; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 13 – 01 – 2020 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: 174 đường Y, phường X, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt).

Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 2000; Địa chỉ: 360/38/40B, phường N, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt).

Anh Phạm Bình T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn X, xã L, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Long K, sinh năm 1989; Địa chỉ: 100/19/2/1 X, phường T, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Nhật Thế H và Ngô Mai Hoàng K đều là các đối tượng không có nghề nghiệp, nghiện ma túy, bản thân H có nhiều tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Trong khoảng thời gian từ tháng 09 đến tháng 11 năm 2019, H đã thực hiện 03 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, trong đó K và H cùng thực hiện 01 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào tối ngày 19 – 9 – 2019, do không có xe mô tô để về nhà nên H nhờ đối tượng tên Phong (không rõ lai lịch địa chỉ) gọi cho anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1993 đến đón H và Phong về số 93 Mạc Đình Chi, phường 4, thành phố Vũng Tàu thì được anh Đạt đồng ý. Anh Đạt điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 72L1-4022 đến chờ H và Phong như đã hẹn. Sau khi đến địa chỉ trên, H nói dối anh Đạt mượn xe mô tô để về nhà người anh tắm rửa, thay quần áo. Do tin tưởng H nên anh Đạt giao xe mô tô cho H. Sau khi có được xe mô tô, H mang xe mô tô này cầm cố cho anh Ngô Long K (Tên gọi khác: “Khánh đĩ”), sinh năm 1989 lấy 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 181/KL-HĐĐG-TTHS ngày 05 – 12 – 2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng Hình sự kết luận: chiếc xe mô tô biển số 72L1-4022 có giá trị 5.500.000 (năm triệu năm trăm ngàn) đồng.

Vụ thứ hai:

Do biết anh Phạm Bình T, sinh năm 1990 có 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 72C2-177.94 và muốn chiếm đoạt chiếc xe mô tô này lấy tiền tiêu xài nên vào tối ngày 11 – 11 – 2019, Ngô Mai Hoàng K gọi điện thoại rủ anh Thuận sáng ngày 12 – 11 – 2019 đến địa chỉ 39 Đoàn Thị Điểm, phường 4, thành phố Vũng Tàu chơi thì được anh Thuận đồng ý. Ngay sau đó, K đã gọi điện thoại cho Ngô Nhật Thế H nói rõ mục đích nêu trên của mình và nhờ H tìm chỗ cầm xe không giấy tờ thì H đồng ý. Khoảng 10 giờ, ngày 12 - 11 – 2019, anh Thuận điều khiển xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 72C2-177.94 đến địa chỉ như đã hẹn với K. Sau khi anh Thuận đến, K nói dối anh Thuận mượn xe mô tô đi có công việc, do tin tưởng K nên anh Thuận đồng ý. Sau khi có được xe, K đến địa điểm đã hẹn trước để gặp H trên đường Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu. H và K cùng đến trước quán karaoke Nice trên đường Bình Giã, phường 8, thành phố Vũng Tàu cầm cố chiếc xe mô tô này cho một đối tượng tên Tư Lúa (không rõ lai lịch, địa chỉ) được 3.000.000 (ba triệu) đồng chia nhau tiêu xài.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 177/KL-HĐĐG-TTHS ngày 28 – 11 – 2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng Hình sự kết luận: chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 72C2-177.94 có giá trị 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm ngàn) đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 17 giờ, ngày 21 – 11 – 2019, Ngô Nhật Thế H đến thuê phòng tại nhà nghỉ Thái Sơn 2, số 298 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu. Sau đó, H gọi điện thoại cho anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 2000 đến chơi. Anh T điều khiển xe mô tô hiệu SH Mode biển số 72K1-194.07 đến. Sau đó, H nói dối anh T mượn xe mô tô để chở bạn của H về. Do tin tưởng nên anh T giao xe mô tô của anh cho H. Sau khi có xe, H điều khiển xe đến thành phố Bà Rịa cầm cố cho 01 đối tượng tên Cu Nhỏ (không rõ lai lịch, địa chỉ) được 8.000.000 (tám triệu) đồng lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 182/KL-HĐĐG-TTHS ngày 05 – 12 – 2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng Hình sự kết luận: chiếc xe mô tô hiệu SH Mode biển số 72K1-194.07 có giá trị 20.500.000 (hai mươi triệu năm trăm ngàn) đồng.

Việc thu giữ và xử lý vật chứng: Cơ quan Công an đã thu giữ chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 72L1-4022, qua xác minh là của ông Nguyễn Văn Chánh, sinh

năm 1959 là cha ruột của anh Nguyễn Tiến Đ nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ-Đ1 ngày 21 – 02 – 2020 trả cho ông Nguyễn Văn Chánh.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Huỳnh Thanh T yêu cầu Hiền phải bồi thường cho anh số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng trị giá chiếc xe mô tô hiệu SH Mode biển số 72K1-194.07 Hiền đã chiếm đoạt không thu hồi được.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 72C2-177.94 do K và Hiền chiếm đoạt của anh Phạm Bình T, đại diện gia đình Ngô Mai Hoàng K đã bồi thường thiệt hại cho anh Phạm Bình T. Anh Thuận đã nhận bồi thường và không yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Ông Nguyễn Văn Chánh đã nhận lại xe mô tô hiệu Wave biển số 72L1-4022 và không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Đối với anh Nguyễn Long Khánh cầm cố xe của Hiền không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, do đó không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với các đối tượng Tư Lúa, Cu Nhỏ cầm cố xe mô tô cho H và K; đối tượng tên Phong đã gọi điện thoại cho anh Nguyễn Tiến Đ nhờ chở Hiền và Phong về, do chưa làm việc được nên sẽ xử lý sau.

Bản cáo trạng số 128/CT-VKSTPVT ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Ngô Nhật Thế H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b, d Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và bị cáo Ngô Mai Hoàng K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo Ngô Nhật Thế H, Ngô Mai Hoàng K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, d Khoản 2 Điều 174; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Nhật Thế H từ 5 đến 6 năm tù; áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Mai Hoàng K từ 9 đến 12 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: bị cáo H phải bồi thường cho anh T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Các bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận giám định hay các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các

bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo H đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Do nảy sinh mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước, lợi dụng lòng tin của các bị hại, trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2019, bị cáo Ngô Mai Hoàng K và Ngô Nhật Thế H đã thực hiện hành vi gian dối, đưa ra thông tin giả làm bị hại tưởng thật nên đã tự nguyện giao tài sản cho các bị cáo, cụ thể: bị cáo H và K đã chiếm đoạt của anh Phạm Bình T 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, biển số 72C2-177.94 trị giá 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm ngàn) đồng; H chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu SH Mode biển số 72K1-194.07, 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 72L1-4022 của anh Huỳnh Thanh T và anh Nguyễn Tiến Đ với tổng trị giá 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản H chiếm đoạt của các bị hại là 41.500.000 (bốn mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo K đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo H, bị cáo không có nghề nghiệp, bản thân có nhiều tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản trong đó có 02 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, để có tiền sinh sống và sử dụng ma túy, bị cáo lại tiếp tục thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên hành vi nêu trên của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Tái phạm nguy hiểm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, d Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nhưng do bộc phát, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Đối với anh Nguyễn Long Khánh cầm cố xe của H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, do đó không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với các đối tượng Tư Lúa, Cu Nhỏ cầm cố xe mô tô cho H và K; đối tượng tên Phong đã gọi điện thoại cho anh Nguyễn Tiến Đ nhờ chở H và Phong về, do chưa làm việc được nên sẽ xử lý sau.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người đã trưởng thành, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân; đối với bị cáo H đã nhiều lần bị kết án về các tội chiếm đoạt tài sản lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm để rèn luyện bản thân, nhưng nay bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội là thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo H đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo cho tốt, làm người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo K, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho anh Thuận nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại – Huỳnh Thanh T yêu cầu bị cáo H phải bồi thường 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Đã xử lý xong.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo H phải nộp 1.000.000đ (một triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Ngô Nhật Thế H (Chóp), Ngô Mai Hoàng K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b, d Khoản 2 Điều 174; điểm g Khoản 1 Điều 52, điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Ngô Nhật Thế H (Chóp) 5 (năm) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 13 tháng 01 năm 2020.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Ngô Mai Hoàng K 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 13 tháng 01 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Ngô Nhật Thế H có trách nhiệm bồi thường cho anh Huỳnh Thanh T 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ngô Mai Hoàng K, Ngô Nhật Thế H phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Ngô Nhật Thế H phải nộp 1.000.000đ (một triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công An thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hồng Lợi

